**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 260 /GPMT-UBND ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

* Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt của các công nhân và quản lý công trình;
* Nguồn số 02 : Nước phát sinh từ nhu cầu rửa sân, đường, rửa dụng cụ, vệ sinh khu vực phối trộn nguyên vật liệu.

Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, Cột B):

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chất ô nhiễm** | **Đơn vị tính** | **Giá trị giới hạn cho phép** | **Tần suất quan trắc định kỳ** | **Quan trắc tự động, liên tục** |
| 1 | pH | - | 5 – 9 | Không thuộc đối tượng cần thực hiện | Không thuộc đối tượng cần thực hiện |
| 2 | BOD5(200C) | mg/l | 50 |
| 3 | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/l | 100 |
| 4 | Tổng chất rắn hòa tan (TDS) | mg/l | 1.000 |
| 5 | Sunfua (tính theo H2S) | mg/l | 4.0 |
| 6 | Amoni (tính theo N) | mg/l | 10 |
| 7 | Nitrat (NO3-)  (tính theo N) | mg/l | 50 |
| 8 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/l | 20 |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/l | 10 |
| 10 | Phosphat (PO43-)  (tính theo P) | mg/l | 10 |
| 10 | Coliform | MPN/ 100 ml | 5.000 |

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ cơ sở phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn của cơ sở đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B), sau đó theo đường ống thoát nước thải ra hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, phường Đông Kinh, phường Chi Lăng, phường Hoàng Văn Thụ, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.

2.2. Vị trí xả nước thải: gồm 07 vị trí.

- Trạm y tế xã Hoàng Đồng tại Quốc lộ 1A, xã Hoàng Đồng, thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X = 1067456, Y = 218843.

- Trạm y tế xã Hoàng Đồng tại đường DT234B, xã Quang Lạc, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X = 1067356; Y = 218299.

- Trạm y tế phường Vĩnh Trại tại đường Đoàn Thị Điểm, Hoàng Văn Thụ, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X= 1067605; Y = 218562.

- Trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ tại Số 251, đường Bắc Sơn, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X= 1067593; Y = 218611.

- Trạm y tế phường Đông Kinh tại số 12, đường Lý Thái Tổ, phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X= 1067614; Y = 218455.

- Trạm y tế phường Chi Lăng tại số 35 đường Trần Hưng Đạo, phường Chi Lăng, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X= 1067520; Y = 218462.

- Trạm y tế phường Tam Thanh tại số 72 đường Giáp Nhất phường Tam Thanh, Thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107015’, múi chiếu 30)*: X= 1067519; Y = 218565

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Tổng lưu lượng là 34,59 m3/ngày.đêm.

- Trạm y tế xã Hoàng Đồng lưu lượng xả thải tối đa: 1,88 m3/ngày.đêm

- Trạm y tế xã Hoàng Đồng lưu lượng xả thải tối đa: 1,88 m3/ngày.đêm

- Trạm y tế phường Vĩnh Trại lưu lượng xả thải tối đa: 1,88 m3/ngày.đêm

- Trạm y tế phường Hoàng Văn Thụ lưu lượng xả thải tối đa: 1,88 m3/ngày.đêm

- Trạm y tế phường Đông Kinh lưu lượng xả thải tối đa: 1,88 m3/ngày.đêm

- Trạm y tế phường Chi Lăng lưu lượng xả thải tối đa: 1,88 m3/ngày.đêm

- Trạm y tế phường Tam Thanh lưu lượng xả thải tối đa: 6,11 m3/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.3. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24/24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, nguồn số 02) thu gom theo đường ống PVC Φ 60, độ dốc 2% D60 mm → Bể tự hoại 3 ngăn → Nước thải sau xử lý hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, phường Đông Kinh, phường Chi Lăng, phường Hoàng Văn Thụ, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

*-* 07 Bể tự hoại 03 ngăn tại 7 trạm y tế phải được kiểm tra, hút bùn định kỳ.

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn trước khi đưa nước thải của cơ sở ra môi trường tiếp nhận.

* Công trình xử lý nước thải sơ bộ của cơ sở:
* Quy trình công nghệ bể tự hoại 3 ngăn: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) → Hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, phường Đông Kinh, phường Chi Lăng, phường Hoàng Văn Thụ, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.

Hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, phường Đông Kinh, phường Chi Lăng, phường Hoàng Văn Thụ, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn

Đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT

Hút định kì

Ngăn lắng

Ngăn lọc

Ngăn chứa

Bùn dư

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

˗ Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị.

˗ Lập sổ theo dõi lưu lượng và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

˗ Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

˗ Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

˗ Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trong trường hợp sự cố tràn nước thải, sử dụng máy bơm, bơm nước thải tại bể bị tràn sang các bể còn lại trong hệ thống xử lý nước thải. Sau khi tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố sẽ bơm lại hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt tiêu chuẩn.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B) đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2.2 của Phụ lục này trước khi xả nước thải vào nguồn tiếp nhận hệ thống thoát nước chung trên tuyến đường các xã Hoàng Đồng, xã Quảng Lạc, phường Vĩnh Trại, phường Đông Kinh, phường Chi Lăng, phường Hoàng Văn Thụ, phường Tam Thanh, thành phố Lạng Sơn.

2.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

2.3. Trong quá trình vận hành, Chủ cơ sở phải tuân thủ quy định về quản lý nước mưa, nước thải. Thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

2.4. Chủ cơ sở chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.

2.5. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**Phụ lục 2**

**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 260 /GPMT-UBND ngày 25/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Lạng Sơn)*

1. **YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**
2. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi hoạt động sản xuất của cơ sở gây ô nhiễm môi trường làm suy thoái đa dạng sinh học.
3. Đảm bảo nguồn kinh phí đền bù thiệt hại theo quy định của pháp luật.
4. **YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
5. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
6. Trong quá trình hoạt động: Nước thải, chất thải rắn, khói bụi, tiếng ồn phải được xử lý theo quy định, không gây ô nhiễm môi trường xung quanh.
7. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
8. Tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định pháp luật có liên quan.
9. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở về Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Lạng Sơn trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo quy định.
10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định tại Mẫu số 05.A Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; kỳ báo cáo tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12, gửi báo cáo trước ngày 15/01 của năm tiếp theo và ông khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.
11. Chủ cơ sở phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép môi trường trước khi hết hạn 06 tháng theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường./.